| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THÁP MƯỜI**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 29/2024/HS-ST
Ngày: 19 - 6 - 2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Kiến.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Tùng;

Bà Trương Thị Như Ý.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***:

Ông **Nguyễn Tiến Sang** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa sơ thẩm công khai trực tiếp xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Ngọc M**, sinh năm 1994, tại Long An; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B, sinh năm 1970 và bà Trần Thị V, sinh năm 1968; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ tên: Mai Thị Ánh B, sinh năm 2001; bị cáo có 01 người con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 10/01/2024; tạm giam: Từ ngày 12/01/2024; Hiện bị cáo đang bị tạm giam (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

** Người đại diện theo pháp luật của bị hại:*

**Dương Thị N**, sinh năm 1940 (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt);

**Lê Tấn L**, sinh năm 1971 (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

** Người làm chứng:*

**Nguyễn Minh T**, sinh năm 1976 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

**Trần Ngọc H**, sinh năm 1984 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Ngọc M có giấy phép lái xe hạng A1. Khoảng 11 giờ ngày 09/01/2024, Minh một mình điều khiển xe mô tô biển số 62E1- 009.78 nhãn hiệu Warm, màu xanh đi từ nơi làm thuê ở ấp 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đến khu vực trước cổng Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T để ăn cơm trưa. Khi M điều khiển xe đến giữa cầu K thuộc ấp 4, xã Đ, do thiếu chú ý quan sát nên xe mô tô do M điều khiển va chạm vào vùng lưng bà Nguyễn Thị H đang đi bộ, cặp thành cầu, cùng chiều phía trước theo hướng xe do M điều khiển. Sau va chạm, bà H ngã ra đường, xe của M điều khiển tiếp tục di chuyển về phía trước khoảng hơn 01m rồi dừng. M xuống xe, đi đến đỡ bà H dựa vào thành cầu, thấy bà H bất tỉnh và sợ bị truy cứu trách nhiệm, M bỏ bà H lại trên cầu rồi điều khiển xe bỏ chạy về nhà ở ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Long An. Bà H sau đó được người dân phát hiện thông báo cho ông Nguyễn Minh T (em ruột bà H) đến đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa khu vực T và chuyển lên bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp, đến 20 giờ cùng ngày, bà H tử vong.

Từ hình ảnh camera an ninh tại hiện trường, ngày 10/01/2024, Công an xã Đ, huyện T tiến hành làm việc với M, tại cơ quan công an, M thừa nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường và dựng lại hiện trường xác định: Hiện trường xảy ra vụ tai nạn thuộc ấp 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Hiện trường trên cầu K, mặt cầu có kẻ vạch màu vàng liền nét chia mặt cầu làm 02 chiều xe lưu thông, tầm nhìn không bị hạn chế, mặt cầu rộng 9m, trải bê tông nhựa bằng phẳng. Chọn mép đường bên phải theo hướng từ huyện C, tỉnh Tiền Giang đi xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp làm lề chuẩn và lấy mấu cầu bên phải làm mốc cố định. Xác định tâm vùng va chạm giữa xe mô tô biển số 62E1-009.78 và bà Nguyễn Thị H cách mép lề chuẩn 0,55m và cách cuối vết phanh thứ hai là 0,45m.

Kết luận giám định tử thi số 82/KLGĐTT-KTHS ngày 18/01/2024 của

Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận đối với tử thi Nguyễn Thị H: chấn thương sọ não, dập, xuất huyết não - màng não là nguyên nhân tử vong.

Như vậy, nguyên nhân trực tiếp xảy ra tai nạn là do bị cáo Trần Ngọc M điều khiển xe mô tô biển số 62E1- 009.78 tham gia thông thiếu chú ý quan sát nên không phát hiện để tránh bà Nguyễn Thị H đang đi bộ cùng chiều phía trước dẫn đến gây ra tai nạn. Hành vi của Trần Ngọc M đã vi phạm khoản 5 Điều 4 và khoản 23 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

Đối với bị cáo M sau khi gây tai nạn M bỏ trốn, đến ngày 10/01/2024 cơ quan công an mời làm việc được với M nên không thể xác định được tại thời điểm điều khiển xe gây tai nạn, M có nồng độ cồn trong máu hay không. Theo lời khai của M, trước khi xảy ra tai nạn, M không sử dụng rượu bia hay chất kích thích nào khác.

Về vật chứng, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

01 đoạn Video ghi lại hình ảnh vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 09/01/2024 tại ấp 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Của bị cáo Trần Ngọc M: 01 xe mô tô biển số 62E1- 009.78 nhãn hiệu Warm màu xanh; 01 nón bảo hiểm màu vàng đen có chữ TT; 01 áo thun dài tay màu xanh, phía sau lưng có chữ doanh nghiệp tư nhân N; 01 quần thun dài màu đen, 02 bên ống quần mỗi bên có 03 viền sọc trắng. Đây là phương tiện và trang phục M mặc vào thời điểm xảy ra vụ tai nạn.

Thu giữ tại hiện trường 01 đầu tay thắng màu đen bằng kim loại (dạng hình tròn).

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Ngọc M và người đại diện theo pháp luật của bà Nguyễn Thị H là ông Lê Văn L và bà Dương Thị N (là chồng và mẹ ruột của bà H) đã thỏa thuận bồi thường xong số tiền 70.000.000 đồng. Ông L đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKSTM ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định truy tố bị cáo Trần Ngọc M ra Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười để xét xử về "*Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên, giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng, khẳng định việc truy tố trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các bị cáo đã gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc thực hiện tội phạm, nhân thân của bị cáo và quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị:

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Ngọc M phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*";

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc M hình phạt từ 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng đến 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Tòa án tuyên xử:

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 đoạn Video ghi lại hình ảnh vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 09/01/2024 tại ấp 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Tịch thu tiêu hủy: 01 đầu tay thắng màu đen bằng kim loại (dạng hình tròn), do không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Trần Ngọc M gồm: 01 xe mô tô biển số 62E1- 009.78 nhãn hiệu Warm màu xanh; 01 nón bảo hiểm màu vàng đen có chữ TT; 01 áo thun dài tay màu xanh, phía sau lưng có chữ doanh nghiệp tư nhân N; 01 quần thun dài màu đen, 02 bên ống quần mỗi bên có 03 viền sọc trắng.

- Bị cáo Trần Ngọc M đồng ý xét xử vắng mặt đối với những người đại diện theo pháp luật của bị hại và người làm chứng. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt bị cáo không tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo là bản thân rất ăn năn hối cải về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với cha mẹ già và con nhỏ.

- Người đại diện theo pháp luật của bị hại là bà Dương Thị N và anh Lê Tấn L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt. Trong quá trình điều tra, họ đã nhận đủ tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm trong vụ án này.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa những người đại diện theo pháp luật của bị hại vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Tuy nhiên, xét thấy họ đã nhận đủ tiền bồi thường, không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, đối với những người làm chứng vắng mặt không có lý do nhưng đã có lời khai của những người này trong hồ sơ vụ án, nên không gây trở ngại cho việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười và Điều tra viên trong quá trình điều tra; của Viện kiểm sát nhân dân

huyện Tháp Mười và Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người đại diện theo pháp luật của bị hại đều không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Trần Ngọc M tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai những người đại diện theo pháp luật của bị hại, người làm chứng cùng với các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án và tại phần tranh luận bị cáo cũng thống nhất với lời luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo là người đã thành niên và là người có giấy phép lái xe theo quy định nên nhận thức rõ khi tham gia giao thông phải nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, giữ gìn an toàn cho mình và cho người nhưng vẫn chủ quan điều khiển xe mô tô biển số 62E1-009.87 thiếu chú ý quan sát là đã vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 4 và khoản 23 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ, dẫn đến xảy ra va chạm gây tai nạn cho bà H đang đi bộ cùng chiều phía trước. Mặc khác, sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo tuy có dừng xe lại để xem tình trạng của bà H nhưng thấy bà H bất tỉnh, sợ trách nhiệm nên bị cáo không cứu giúp mà lên xe bỏ chạy về nhà, hậu quả bà H tử vong. Như vậy, hành vi của vị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định:

*"**Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ***

*1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*a) Làm chết người;....*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:*

*....*

*c) Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn."*

[4] Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Những quy định về trật tự an toàn giao thông đường bộ là

khách thể được Luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi vi phạm quy định về trật tự an toàn giao thông đường bộ. Tuy nhiên, bị cáo với ý thức chủ quan, vô ý cẩu thả trong khi điều khiển phương tiện giao thông dẫn đến gây tai nạn chết người. Hành vi này không những vi phạm pháp luật mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân khi tham gia giao thông. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như hôm nay là cần thiết, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian phù hợp đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm mục đích giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; đồng thời, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình người bị hại nhằm khắc phục hậu quả mình gây ra; bị cáo có bà Ngoại tên Đặng Thị P được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An công nhận là "Gia đình cách mạng gương mẫu" và có ông nội tên Trần Ngọc V là người được hưởng chính sách như thương binh, thương tật hạng 2/4; đồng thời, những người đại diện theo pháp luật của bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đồng thời, căn cứ khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự nhận thấy cần quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo.

[6] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[7] Cáo trạng số: 23/CT-VKSTM ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Trần Ngọc M là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự để xử phạt đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Những người đại diện theo pháp luật của bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường, ngoài ra không có yêu cầu gì khác trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Xét đề nghị của Kiểm sát viên là đúng với quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc M bị kết tội, bị cáo không thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 11 và không thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người đại diện theo pháp luật của bị hại có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc M phạm tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"*.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc M 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2024.

**2.** Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**3.** Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 đoạn Video ghi lại hình ảnh vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 09/01/2024 tại ấp 4, xã Đốc Binh Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Tịch thu tiêu hủy: 01 đầu tay thắng màu đen bằng kim loại (dạng hình tròn), do không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Trần Ngọc M gồm: 01 xe mô tô biển số 62E1- 009.78 nhãn hiệu Warm màu xanh; 01 nón bảo hiểm màu vàng đen có chữ TT; 01 áo thun dài tay màu xanh, phía sau lưng có chữ doanh nghiệp tư nhân N; 01 quần thun dài màu đen, 02 bên ống quần mỗi bên có 03 viền sọc trắng.

*Vật chứng nêu trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười giữ theo theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 31/5/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.*

**4.** Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Trần Ngọc M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**5.** Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày,

kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

**6.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở tư pháp Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CQ CSĐT CA huyện Tháp Mười;
- CC THADS huyện Tháp Mười;
- Bị cáo;
- Đại diện bị hại;
- Lưu: HSVA, VPTA (Linh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Kiến**